

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN VÀ MÔ HÌNH LÝ LUẬN CỦA NÓ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TƯƠNG LAI

*Trịnh Quốc Toán**

1. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong lịch sử phát triển của Luật hình sự Việt Nam

1.1. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 vấn đề trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân, tổ chức cũng đã được đề cập đến trong Luật hình sự (LHS), như:

- Trong Quốc triều hình luật, Điều 62 Chương Tạp luật đã quy định: “Những trang trại ven biển, mà đón tiếp thuyền buôn, ngâm dờ hộ hàng hoá lên bờ, thì xử biếm 3 tư, phải phạt gấp 3 tang vật để sung công; lấy một phần thưởng cho người tố giác. Người chủ trang trại ấy mất chức giám trang”. Quy định này cho thấy vấn đề TNHS ở đây hoàn toàn không phải là dạng trách nhiệm tập thể (tru di tam tộc hoặc cửu tộc) hay được áp dụng vào các thời kỳ phong kiến và cũng không phải là dạng TNHS đối với hành vi của người khác theo cách hiểu như ở các nước theo truyền thống Common Law, mà hiện nay một số nước theo truyền thống này vẫn còn áp dụng. Điều luật này đã có sự phân biệt TNHS của “trang trại” với tư cách là một tổ chức và cá nhân người “chủ trang trại”.

- Vấn đề TNHS của pháp nhân cũng được quy định trong pháp luật của chế độ thực dân phong kiến. Điều 12 Dự số 45.1088 ngày 35/5/1945 về trừng trị các vi phạm luật lệ hối đoái, quy định: “Đối với trường hợp vi phạm luật lệ hối đoái thì không những giám đốc, quản trị viên, quản lý của pháp nhân bị truy tố mà chính bản thân pháp nhân cũng có thể bị truy tố và bị phạt bạc”¹.

1.2. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền của chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cũng đã ban hành một số các văn bản hình sự quy định về TNHS của pháp nhân như:

- Điều 33 Dự số 10 ngày 23/6/1950 và Điều 26 Dự số 33 ngày 16/11/1952 đều quy định trường hợp hội buôn, hiệp hội, nghiệp đoàn hoạt động trái với những điều khoản quy định về cách tổ chức và điều hành hội, thì các giám đốc hay quản trị viên đều có thể bị truy tố, bị phạt bạc hay phạt giam, còn các tổ chức trên có thể bị Toà án giải tán.

- Đặc biệt là trong Bộ hình luật ngày 20/12/1972 của Chính quyền Sài Gòn cũ với các Điều 8, 69 và 71 cũng đã chính thức quy định TNHS của pháp nhân với tư cách là nguyên tắc chung trong LHS cùng với TNHS của cá nhân. Điều 8 quy định “Luật hình chi phối mọi thể nhân và pháp nhân cư trú trên lãnh thổ Việt Nam và mọi sự kiện xảy ra trên lãnh thổ này, kể cả không phạm và hải phận”. Điều 69 quy định: “Thể nhân và pháp nhân đều có thể bị TNHS” và theo Điều 71 thì “pháp nhân có thể bị xử phạt giải tán, phạt và tịch thu tài sản”².

1.3. Dưới chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Điều 13 Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký kèm theo Luật về chế độ báo chí được Quốc hội thông qua bởi Luật số 100/SL/L002 ngày 20/05/1957 quy định: “Báo chí nào vi phạm Điều 8, sẽ bị trừng phạt: tịch thu ấn phẩm, đình bản vĩnh viễn và bị truy tố trước Toà án,

*Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

¹Nguyễn Quang Quỳnh, Hình luật tổng quát, NXB Lửa thiêng, 1973.

²Công báo Việt-Nam Cộng hoà, số 678/2 ngày 14/2/1973.

sẽ bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000đ) đến năm mươi vạn đồng (500.000đ), hoặc người có trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến một năm, hoặc cả hai hình phạt đó”.

Báo chí nào vi phạm Điều 9 hoặc Điều 12 sẽ bị trừng phạt: tùy theo lỗi nặng nhẹ mà bị cảnh cáo, tịch thu ấn phẩm, đình chỉ tạm thời, đình chỉ vĩnh viễn, hoặc bị truy tố trước Tòa án, có thể bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000đ) đến một triệu đồng (1.000.000đ), hoặc người chịu trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến hai năm, hoặc cả hai hình phạt đó. Nếu xét đương sự phạm vào những luật lệ khác, Tòa án sẽ chiếu theo những luật lệ ấy mà trừng phạt thêm”.

Điều 14 quy định tiếp: “Trong mọi trường hợp vi phạm chủ bút chịu trách nhiệm chính; người quản lý và người viết bài cũng phải liên đới chịu trách nhiệm về phần của mình. Nếu in những báo chí chưa có giấy phép thì chủ nhà in cũng bị liên đới chịu trách nhiệm”.

Tuy nhiên, sau đó các văn bản PLHS cũng như các hướng dẫn của TATC đều chỉ nghiêng về TNHS của cá nhân, không còn đề cập đến TNHS của pháp nhân, tổ chức, đơn vị.

1.4. Mặc dù trong một thời gian dài và cho đến ngày nay LHS và thực tiễn xét xử ở nước ta vẫn chưa thừa nhận TNHS của pháp nhân, tổ chức, đơn vị, nhưng trong lĩnh vực Luật dân sự (LDS), Luật kinh tế (LKT) và đặc biệt là trong lĩnh vực Luật hành chính (LHC) đều có quy định trách nhiệm pháp lý (TNPL) của các thực thể này. Ví dụ Điều 103 BLDS năm 1995 quy định: “1/ Pháp nhân phải chịu TNDS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân. 2/ Pháp nhân chịu TNDS bằng tài sản của mình; không chịu trách nhiệm thay cho thành viên của pháp nhân đối với các nghĩa vụ dân sự do thành viên xác lập, thực hiện không nhân danh pháp nhân. 3/ Thành viên của pháp nhân không chịu TNDS thay cho pháp nhân đối với các nghĩa vụ dân sự do pháp nhân xác lập, thực hiện”.

Khoản 2 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 1999 quy định: “Xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, *tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý Nhà nước* mà chưa đến mức truy cứu TNHS và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính”. Điểm c khoản 1 Điều 5 của Pháp lệnh này quy định tiếp: “*Tổ chức phải chịu trách nhiệm về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra*”.

1.5. Vấn đề TNHS của pháp nhân được các thành viên Ban Dự thảo sửa đổi BLHS năm 1985 nghiên cứu và chế định này đã được đưa vào Điều 2 của Bản Dự thảo lần thứ X (tháng 3/1998) với tư cách là nguyên tắc chung của LHS Việt Nam. Trong khi khoản 1 Điều 2 Dự thảo này đề cập đến vấn đề TNHS của cá nhân, thì nội dung của khoản 2 Điều luật này là: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức) phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do người đại diện của mình thực hiện vì lợi ích của tổ chức đó”.

Tuy nhiên, đến Dự thảo BLHS sửa đổi lần thứ XI (tháng 10/1998), vấn đề TNHS của pháp nhân được tạm gác lại, vì Quốc hội cho rằng: “Hiện nay vấn đề này đối với ta còn mới, ý kiến còn khác nhau... cần được tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn, chưa thật chín. Việc bổ sung chỉ đặt ra khi có đủ điều kiện”. Và do vậy hiện nay vấn đề TNHS của pháp nhân chưa được quy định trong BLHS năm 1999.

2. Sự cần thiết phải thiết lập chế định TNHS của pháp nhân trong LHS Việt Nam

2.1. Về cơ sở lý luận

Ở Việt Nam, như trên đã trình bày, từ lâu TNPL của pháp nhân đã được quy định trong lĩnh vực PLDS, PLKT và PLHC. Nhưng trong lĩnh vực PLHS, TNHS của pháp nhân lại là một vấn đề rất mới, chỉ được một số nhà KHPLHS bắt đầu quan tâm nghiên cứu trong quá trình soạn thảo Dự án BLHS mới năm 1999.

Hiện nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào làm sáng tỏ về lý luận một cách có căn cứ, tương đối hoàn chỉnh và có hệ thống về vấn đề này.

Một điều đáng quan tâm là mặc dù ở nước ta cho đến nay chỉ có một số tác giả nghiên cứu về TNHS của pháp nhân nhưng đã có những quan điểm rất khác nhau.

2.1.1. Những nhà KHPLHS Việt Nam không ủng hộ thiết lập chế định này trong LHS³ đưa ra 3 lý do:

Thứ nhất là: Thông thường lỗi trong LHS về cơ bản chỉ có ở cá nhân người phạm tội. Còn pháp nhân là do con người lập ra và hoạt động của nó chỉ có thể được thực hiện thông qua những con người cụ thể, nên nó không thể và không bao giờ có lỗi... và vì vậy, nếu truy cứu TNHS đối với pháp nhân thì đó là sự thể hiện của nguyên tắc quy tội khách quan - nguyên tắc phi dân chủ không thể chấp nhận được.

Thứ hai là: Hình phạt hình sự nói chung là không thể áp dụng được đối với pháp nhân (tử hình, tù, cải tạo không giam giữ) và nếu có hình phạt nào áp dụng được thì cũng không cần thiết hoặc cũng không có hiệu quả đối với pháp nhân - một trừu tượng pháp lý có tính chất nhân tạo và vô hình.

Thứ ba là: Nếu trừng trị pháp nhân về mặt hình sự sẽ vi phạm nguyên tắc cá thể hoá hình phạt và không đạt được mục đích giáo dục, cải tạo của hình phạt.

Nghiên cứu vấn đề TNHS của pháp nhân trong LHS nhiều nước trên thế giới cho thấy những luận điểm nêu trên cũng đã được các nhà KHPLHS trên thế giới theo học thuyết cổ điển hay còn gọi là học thuyết truyền thống đưa ra từ lâu để bác bỏ chế định này⁴.

³ Xem Lê Cẩm, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí Tòa án nhân dân số 4/2000; Lê Cẩm, Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự, Tập III, NXB Công an nhân dân, 2000, tr. 150-172.

⁴ Xem Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự nước Anh, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế-Luật, T.XVIII, Số 3.

Theo học thuyết cổ điển, pháp nhân là một thực thể giả tưởng của pháp luật. Luật pháp giả tưởng rằng một tổ chức - do nhiều người hợp lại - cũng là một người. Pháp nhân là một người vô hình, do các thành viên hợp lại, và đại diện cho tất cả các thành viên. Do không phải là thực thể hữu hình, nên nó (pháp nhân) không thể tự mình trực tiếp thực hiện một hành vi phạm tội mà phải thông qua trung gian những cá nhân, đó là các cơ quan, nhân viên thừa hành hoặc người được ủy quyền của pháp nhân⁵. Mặc dù, trong thực tiễn, các cơ quan, nhân viên thừa hành hoặc người được ủy quyền của pháp nhân có thể phạm tội trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nhưng không bao giờ cho phép quy kết tội phạm đó cho chính bản thân pháp nhân⁶.

Pháp nhân không có thể xác và cũng chẳng có linh hồn, nó chỉ là những cấu trúc pháp lý được thiết lập nhằm phục vụ các lợi ích cá nhân của những thành viên của pháp nhân. Các nghị quyết, các quyết định của các pháp nhân chỉ là kết quả của con số cộng các ý chí cá nhân các thành viên của pháp nhân chứ không phải từ sự mong muốn của chính bản thân pháp nhân⁷. Sau cái vẻ bề ngoài của quyền tự chủ tập thể của pháp nhân che giấu sự đa dạng các ý định và sự lựa chọn cũng như mong muốn của cá nhân các thành viên pháp nhân. Savigny nhấn mạnh: “pháp

2002; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Vương quốc Bỉ, Tạp chí Nhà nước & Pháp luật, số 3/2003; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Hà Lan, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 2(50)/2003; Phạm vi và điều kiện áp dụng trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Anh, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế-Luật, T.XIX, Số 1. 2003; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Pháp, Tạp chí Nhà nước & Pháp luật, số 10/2004.

⁵ Xem M.F.C von Savigny, Traité de droit romain, trad. De Ch. Ruenoux, Paris, Librairie Firmin Didot 1841, T.2, 311 et s.

⁶ Xem Leffort, Précis de droit criminel, Paris, Sirey, 1877, 218,219.

⁷ Xem M.F.C von Savigny, Traité de droit romain, trad. Tài liệu đã dẫn, trang 312.

nhân... chỉ là một thực thể trừu tượng... sự tồn tại thực tế của nó dựa trên các quyết định của một hoặc một số những người đại diện mà chiếu theo sự trừu tượng được xem như là các quyết định của chính bản thân pháp nhân, một sự đại diện như thế... loại trừ ý chí theo đúng nghĩa”⁸.

Từ những quan điểm trên cho thấy một thực thể hiển nhiên là không có một lỗi nào có thể được quy kết cho pháp nhân - một thực thể trừu tượng. Chỉ có các cá nhân cụ thể mà thông qua nó pháp nhân hành động mới được hưởng ý chí tự do, mới hội tụ đủ các yếu tố cần thiết để quy kết tội phạm và như vậy mới có thể bị trừng trị⁹.

Nếu đối với các cá nhân, có thể quy kết hành vi vật chất khách quan của vụ việc phạm tội (actus reus) và thái độ chủ quan tội lỗi (mens rea) của chính họ cho mỗi một tội phạm, thì pháp nhân dưới lăng kính của học thuyết cổ điển, vì không có thể hành động trực tiếp, không có sự bầu víu trực tiếp nào vào thực tế khách quan và thiếu tự do ý chí, khả năng nhận thức nên nó (pháp nhân) về bản chất là những thực thể không tương thích cho việc thực hiện hành vi phạm tội¹⁰.

Những người theo học thuyết cổ điển không chỉ duy nhất chống lại TNHS của pháp nhân bằng lý lẽ là pháp nhân không có khả năng phạm tội. Mà hơn thế, họ cho rằng các chế tài hình sự, là sự kết án về mặt đạo đức và mệnh lệnh bắt buộc trái với ý muốn của các tự nhiên nhân, nhất thiết không thể áp dụng được cho pháp nhân, tổ chức¹¹. Dù

sao chăng nữa các pháp nhân cũng không thể chịu một hình phạt nào đó có hữu ích¹².

Đã một thời gian dài các nhà KHPLHS theo học thuyết cổ điển nói về sự không thể trừng trị những pháp nhân hoặc chí ít cũng là khó khăn về mặt vật chất để áp dụng chế tài hình sự cho pháp nhân¹³. Người ta có thể bắt giam như thế nào đối với một thực thể mà bản chất là vô hình? Làm thế nào có thể tước mạng sống của một chủ thể giả tưởng mà bản chất của nó là thiếu sự tồn tại của thực thể hữu hình¹⁴.

Ngược lại, đối với các loại hình phạt khác như phạt tiền, tịch thu tài sản, tước một số quyền... mặc dù họ (các học giả theo học thuyết truyền thống) không thể chối bỏ khả năng áp dụng, nhưng họ lại đưa ra lập luận là việc trừng trị một pháp nhân sẽ dẫn đến việc xử lý không có sự phân biệt các thành viên của pháp nhân, sẽ dẫn đến trừng trị cả với những người không tham gia phạm tội¹⁵. Theo Thomas Hobbes, cái giá thực sự khi áp dụng TNHS, xét đến cùng, các pháp nhân không phải chịu mà chính là những cá nhân cụ thể trong pháp nhân như: người góp cổ phần, cổ đông, người lao động... Như vậy, chế định TNHS của pháp nhân không thể chấp nhận được về phương diện pháp lý cũng như về đạo lý¹⁶.

Việc trừng trị pháp nhân, tổ chức không chỉ không công bằng mà còn tỏ ra khó tương hợp với nguyên tắc cá thể hoá hình phạt¹⁷.

⁸ Xem M.F.C von Savigny, *Traité de droit romain*, trang 312.

⁹ Xem A. Braas, *Précis de droit criminel*, Bruxelles-Liège, Bruylant, 1946, No 122.

¹⁰ Xem Haus, *Principes généraux de droit pénal belge*, Gand, Librairie générale Ad. Hoste, No 266.

¹¹ Xem: Kensuke Itoh, *Những thành tựu và hạn chế về mặt lý luận trong việc pháp luật hoá trách nhiệm hình sự của tổ chức tại Nhật Bản trong sách Luật Nhật Bản*, T.I : 1993-1997, NXB Thanh niên, 2000, tr. 166.

¹² Xem Maistre, *Les personnes morales et le problème de leur responsabilité pénale*, Paris, A. Rousseaus, 1889, 275 et s.

¹³ Xem S. Glaser, *L'Etat en personnes morales et le problème de leur responsabilité pénale*, R.D.P.C., 1948-1949, 444.

¹⁴ Xem Donnedieu de Vabres, *Traité de droit criminel et de législation pénale comparée*, Paris, Sirey, 1947, 149.

¹⁵ Xem A. Huss, *Sanctions pénales et les personnes morales*, R.D.P.C., 1975-1976, 674.

¹⁶ Xem Thomas Hobbes, *léviathan*, trad. par F. Tricaud, Paris, Sirey, 1971, 247.

¹⁷ Xem A. Braas, *Précis de droit criminel*. Tài liệu đã dẫn, số 122; J. Constant, *Traité élémentaire de droit pénal*, Liège, Imp. Nationales, 1965, T.I, 155;

Nguyên tắc cá thể hoá hình phạt buộc mỗi thành viên của tập thể phạm tội được xử lý tùy thuộc vào hành vi và sự tham gia cụ thể của họ vào tội phạm bị truy cứu. Trong khi một tội phạm được thực hiện trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân, thì hoặc là toàn bộ các thành viên của pháp nhân đã phạm tội cần phải bị trừng trị có sự phân biệt và tương xứng với lỗi của từng người, hoặc là chỉ trừng trị một hoặc một số người trong pháp nhân đã liên hiệp hành động phạm tội. Sẽ là đúng, công bằng nếu chỉ trừng trị họ, sẽ là không công bằng nếu lại trừng trị cả những thành viên khác trong pháp nhân¹⁸ chỉ vì lý do là họ thuộc về một tập thể hoặc là họ phụ thuộc vào nó. Như vậy, rõ ràng trong cả hai trường hợp đều không có nhu cầu trừng trị nhằm vào chính pháp nhân. Nếu trừng trị một thực thể tập thể như vậy cuối cùng sẽ không công bằng và không có lợi. Trừng phạt một thực thể tập thể về tài sản, về các hoạt động của nó hoặc sự tồn tại của nó sẽ gây thiệt hại tới những quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân thường là xa lạ với các hoạt động phạm pháp bị trách cứ. Donnedieu de Vabres¹⁹ viết: “Năm trong sự tất yếu của sự việc là bất một pháp nhân phải chịu một hình phạt có những hậu quả bất lợi đối với những người thứ ba vô tội. Khi người chủ của gia đình bị trừng phạt, vợ của người đó, con của người đó phải chịu những hậu quả về vật chất và tinh thần của nó”²⁰.

*2.1.2. Theo học thuyết PLHS hiện đại, những học giả ủng hộ TNHS của pháp nhân trong đó có một số nhà KHPLHS Việt Nam*²¹

¹⁸ Xem R. Garraud, *Traité de droit criminel*, Paris, Sirey, 1926, 69.

¹⁹ Xem Donnedieu de Vabres, *Traite de droit criminel et de législation pénale comparée*, tài liệu đã dẫn, tr.149.

²⁰ Xem Donnedieu de Vabres, *Traite de droit criminel et de législation pénale comparée*. Tài liệu đã dẫn, tr.149.

²¹ Phạm Hồng Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không? Tạp chí Luật học số 6/1999, tr.14-19; Chuyên đề về một số vấn đề lý luận, thực tiễn phục vụ xây dựng Bộ luật hình sự trong: Thông

đã có những lập luận trái ngược các quan điểm trên.

Thứ nhất là, những quan điểm cho rằng chỉ duy nhất là các cá nhân mới có năng lực biểu lộ ý muốn của chính mình, chỉ có cá nhân cụ thể thực hiện tội phạm mới phải chịu TNHS và rằng các pháp nhân chỉ là những trù tượng pháp lý (fiction juridique) ngày nay đã không còn được chấp nhận, không còn phù hợp với thực tế tồn tại của các pháp nhân với tư cách là “đại diện cho các sức mạnh của thời đại” như Đại hội liên minh quốc tế về LHS ở Bucarest năm 1928 đã nhận định²².

Các học thuyết pháp lý và thực tiễn xét xử của Toà án nhiều nước đã vượt qua một cách ngoạn mục quan niệm nêu trên và hình thành nên sự nhận thức mới về vị trí, vai trò của pháp nhân trong xã hội và sự cần thiết khách quan cho việc truy cứu TNHS đối với chúng²³.

Pháp nhân không phải là một trù tượng pháp lý thuần túy, ngược lại nó chiếm hữu một đặc tính không đổi, có sự tồn tại thực tế của nó trong sự phân biệt với các thành viên của pháp nhân. Về thực tế, pháp luật đã ghi nhận và tổ chức nó trên phương diện pháp lý. Pháp nhân hưởng ý chí độc lập chứ không phải chỉ là con số cộng các ý chí tâm lý của các cá nhân thành viên pháp nhân, tập đoàn được pháp nhân hoá, nó có thể tự quyết định một cách tự do và theo đuổi những mục tiêu cụ thể của mình và độc lập với những lợi ích của các cá nhân tạo nên pháp nhân đó²⁴. Hay nói cách khác, các tổ chức, pháp nhân của các cá nhân được hình thành bởi những lợi ích tập trung và được tổ chức thông qua các

tin khoa học pháp lý tháng 6/1998 của Viện nghiên cứu KHPL (Bộ tư pháp), Hà Nội, 1998, tr. 42-47.

²² Actes du Congrès (1920).

²³ Xem M. Hauriou aux sources du droit: le pouvoir, L'ordre et la liberté, Cahiers de la Nouvelle journée, (23) Paris, Bloud & Gay, 1933, 126-127.

²⁴ Xem M. Delmas-Marty, droit pénal d'affaires, Paris, 1993, 109; Y. Mayaud, la volonté à la lumière du nouveau Code pénal, in Mélanges en l'honneur du Professeur J. Languier, Grenoble, PUG, 1993, p. 214.

cấu trúc pháp lý. Trong các tổ chức, pháp nhân, những định hướng chủ đạo thể hiện những mục tiêu của chính mỗi tập thể được đặt ra không chỉ hoàn toàn giới hạn bởi tổng số các ý chí riêng của các thành viên tập đoàn. Pháp nhân, tổ chức hoàn toàn có ý chí của riêng mình, bởi vì nó sinh ra, sống và tồn tại bằng sự gặp gỡ với những ý chí cá nhân của các thành viên của mình.

“Pháp nhân không phải là một người “nhân”, mà là một tổ chức - tập hợp của nhiều người - được pháp luật trao cho tư cách của một người trong các quan hệ pháp luật. Hoạt động của một người (cá nhân) có thể bị chi phối bởi lý do tình cảm, lý trí, nhưng một hoạt động của pháp nhân thì không. Pháp nhân chỉ theo đuổi những mục tiêu đặt ra trong văn kiện sáng lập tổ chức đó”²⁵.

Giáo sư Đào Trí Úc viết: “Trên thực tế, hành vi nguy hiểm cho xã hội có thể do một tập thể gây ra do kết quả của việc đưa ra những quyết định sai trái. Một số tội phạm, trên thực tế, cũng có thể do cá nhân hoặc tổ chức gây ra. Ví dụ, các tội phạm về kinh tế, về môi trường có thể là kết quả của hành vi tập thể của xí nghiệp công nghiệp, đơn vị kinh doanh nào đó”²⁶.

Có thể nói ngắn gọn, pháp nhân không phải là một chủ thể giả tưởng mà “là một thực thể xã hội độc lập, pháp nhân cũng sinh, cũng trưởng, cũng tử như cá nhân, cũng hoạt động như cá nhân”²⁷. Pháp nhân có thể, với nhiều danh nghĩa, “được so sánh với con người. Nó có bộ não, có hệ thần kinh trung ương kiểm tra những gì nó làm. Nó cũng có

tay để cầm công cụ và hành động theo các mệnh lệnh của hệ thần kinh trung ương”²⁸. Như vậy, pháp nhân rõ ràng là một thực thể có ý chí, có mong muốn riêng của mình, được xử sự tự do và hưởng quyền tự chủ của chủ thể có thể so sánh với quyền tự chủ của cá nhân và vì vậy có năng lực thực hiện tội phạm một cách có lỗi và đương nhiên có thể bị xử lý về hình sự. Vì thế, việc quy kết TNHS cho pháp nhân là hoàn toàn không phải quy tội khách quan như một số người nhầm tưởng.

Một vấn đề đặt ra là pháp nhân không tự mình thực hiện tội phạm mà phải qua trung gian các cá nhân, thế thì làm thế nào có thể quy kết tội phạm cho pháp nhân.

Nhìn chung tuyệt đại đa số các học giả ủng hộ thiết lập TNHS của pháp nhân trong LHS đều ủng hộ học thuyết đồng nhất hoá sự mong muốn tập thể với ý muốn cá nhân. Xuất phát từ sự tương tự hình thức giữa pháp nhân và cá nhân, những người ủng hộ học thuyết này quy kết sự biểu lộ các quyết định của tập thể vào sự tồn tại một ý chí thống nhất trong cá nhân của người đại diện, người lãnh đạo pháp nhân. Các pháp nhân có ý thức, ý chí, mong muốn của riêng mình cùng với tư cách như các cá nhân (ý chí về bản chất là khác với ý chí của cá nhân, chắc chắn là như vậy, nhưng mà, ý chí thích hợp cho tất cả). Khi những người này thực hiện nghĩa vụ hoặc nhiệm vụ của pháp nhân thì ý chí và hành vi của họ được đồng nhất hoá với pháp nhân, tức là được coi như là ý chí và hành vi của pháp nhân²⁹.

Thứ hai là, liên quan tới quan điểm cho rằng các pháp nhân về bản chất là những thực thể vô hình nên không thể áp dụng hình phạt đối với nó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học về hình phạt quan điểm trên đã không còn có sức thuyết phục. Mặc dù tử hình hoặc các hình phạt tước hoặc hạn

²⁵ Xem ARTHUR TAYLOR VON MEHREN & JAMES RUSSELL GORDLEY, *The Civil Law System* - trong tập *An Introduction to the Comparative Study of Law*, Second Edition, LITTLE, BROWN & COMPANY, Boston & Toronto, 1977.

²⁶ Đào Trí Úc, Nhận thức đúng đắn hơn nữa các nguyên tắc về trách nhiệm cá nhân và lỗi trong việc xử lý trách nhiệm hình sự. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9/1999, tr. 75.

²⁷ Xem Lê Trung Chính, *Dân luật đại cương*, Sài Gòn, 1950, tr. 177.

²⁸ Xem: H.L. Bolton (*Engineering*) *Company Ltd. v. T.J. Graham & Son Ltd* (1957) I.Q.B.159, 172.

²⁹ Xem Phạm Hồng Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không? Tài liệu đã dẫn, tr. 16.

chế quyền tự do thân thể không thể áp dụng với pháp nhân phạm tội, nhưng những loại hình phạt khác dần dần được phát triển tương hợp hoàn toàn với bản chất các tổ chức và pháp nhân phạm tội với mục đích làm cho nó phải chịu cái giá của tội ác mà nó đã gây ra cho xã hội. Pháp nhân có các quyền và có tài sản như vậy pháp nhân có thể làm một đối tượng của hình phạt tước hoặc hạn chế quyền hoặc tài sản. Những kinh nghiệm đã thực hiện trong lĩnh vực này ở Anh, Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Hà Lan, Bỉ, Trung Quốc... đã chỉ ra rằng khoa học về hình phạt đủ mềm dẻo để cung cấp những hình phạt và những biện pháp an ninh phù hợp cho việc trừng phạt các thực thể pháp lý này về đời sống của nó như giải thể, trong hoạt động của nó như cấm tiến hành những hoạt động nhất định, hoặc về tài sản như phạt tiền, tịch thu tài sản...

Thứ ba là, về quan điểm nói rằng việc quy kết TNHS và áp dụng hình phạt với pháp nhân sẽ không công bằng và gây hại cho nguyên tắc cá thể hoá hình phạt.

Theo KHPLHS hiện đại thì nguyên tắc cá thể hoá hình phạt không thể tách rời khỏi nhận thức về chế tài áp dụng đối với pháp nhân, tổ chức. Nếu những pháp nhân, tổ chức là những thực thể có khả năng phạm tội thì có lý nào các pháp nhân lại không bị chịu sự trách cứ về hình sự của Nhà nước khi nó tham gia vào tội phạm. Chế tài hình sự buộc phải áp dụng trực tiếp và duy nhất đối với chính bản thân chủ thể phạm tội, tức là đòi hỏi việc trừng trị nhằm trực tiếp vào những tổ chức, pháp nhân trong khi các thực thể này phạm tội³⁰. Công bằng không có nghĩa là phải trừng trị cá nhân này hoặc cá nhân khác, thành viên của tổ chức hoặc pháp nhân có liên quan nhiều hơn mà công bằng chính là buộc tổ chức, pháp nhân cụ thể phạm tội phải chịu hình phạt. Không có lý lẽ công bằng nào mà lại biến cá nhân những người cấp dưới vốn chẳng có quyền hành gì và các

nhà quản lý có trách nhiệm thành những người phải hứng chịu hậu quả thay cho tổ chức, pháp nhân phạm tội³¹. Và cũng không có sự công bằng nào mà về cùng một hành vi phạm tội lại có những cách đối xử khác nhau, đối với pháp nhân phạm tội cùng loại thì xử lý bằng các biện pháp TNDS hoặc TNHC còn đối với cá nhân những người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân hành động phạm tội vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân lại bị trừng trị bằng biện pháp TNHS nghiêm khắc hơn nhiều.

Sự gắn bó chặt chẽ về pháp luật và đạo đức xã hội đòi hỏi là năng lực phạm tội không bị tách khỏi tính phải chịu trừng phạt³². Tức là khả năng phạm tội phải gắn liền với khả năng phải chịu hình phạt hình sự. Giữa tội phạm với chế tài hình sự và sự cần thiết áp dụng hình phạt với chủ thể của tội phạm (pháp nhân phạm tội) có mối quan hệ logic khó có thể phản bác.

Trong những trường hợp pháp nhân phạm tội thì “công lý đòi hỏi phải có hình phạt trực tiếp đối với bản thân các tổ chức đó. Và đến lượt mình, bằng cách thúc đẩy và củng cố nhận thức chung của công dân và đòi hỏi các tổ chức phải quản lý, kiểm soát những nguy cơ gây hại một cách tốt hơn, các hình phạt này buộc các tổ chức nói trên phải thiết lập những hệ thống quản lý và kiểm soát nguy cơ một cách có hiệu quả, qua đó góp phần bảo vệ môi trường và sức khoẻ của công dân”³³.

Với nhận thức trên, có thể nói việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội còn thể hiện nguyên tắc công bằng và bình

³¹ Xem: Kensuke Itoh, Những thành tựu và hạn chế về mặt lý luận trong việc pháp luật hoá trách nhiệm hình sự của tổ chức tại Nhật Bản, Tài liệu đã dẫn, tr. 166.

³² Xem J, Contant, La responsabilité pénale non individuelle, Liège, Vaillant- Ca rmatanne, 1978, 18.

³³ Xem: Kensuke Itoh, Những thành tựu và hạn chế về mặt lý luận trong việc pháp luật hoá trách nhiệm hình sự của tổ chức tại Nhật Bản, Tài liệu đã dẫn, tr. 166.

³⁰ Xem V. Simonart, La personnalité morale en droit comparé, Bruxelles, Bruylant, 1995, 256.

đăng, nguyên tắc mọi hành vi phạm tội không thoát khỏi sự trừng trị của PLHS được củng cố.

Lý lẽ cá thể hoá hình phạt không nghi ngờ gì còn phải thúc đẩy mối liên hệ giữa tội phạm và hình phạt. Thực tế, các hình phạt đối với pháp nhân, tổ chức phạm tội cần thiết tất yếu phải tương xứng với tầm vóc của các thực thể bị truy cứu TNHS, nếu các hình phạt này muốn đạt được tính hiệu quả trừng trị nào đó.

Ở đây chúng ta cần lưu ý là TNDS và đặc biệt là TNHC của pháp nhân đã được thừa nhận từ rất lâu với sự phạt tiền rất nghiêm khắc hoặc tịch thu không có phân biệt. Tuy nhiên có những cơ chế pháp luật quy định cho phép bảo vệ các thành viên có sự thành tâm tốt trong pháp nhân, ví dụ người đó có thể sử dụng quyền khiếu nại để chống lại các cơ quan của pháp nhân.

Quan điểm cho rằng việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội là vi phạm nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, theo chúng tôi đã có sự nhầm lẫn về nguyên tắc này. Thực tế cho thấy tất cả các bản án đều có thể gây ra những hậu quả cho người thứ ba vô can. Bất giam một người hoặc phạt họ với một hình phạt tiền nghiêm khắc có thể cướp đi của gia đình họ những khoản thu nhập, nhưng nó không có gây hại cho nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, bởi vì bản án không trực tiếp nhằm chống lại các thành viên của gia đình người bị kết án mà là đối với người phạm tội.

Bản án kết tội đối với một pháp nhân khác với bản án có thể xảy ra của các thành viên pháp nhân, nó không nhằm vào cá nhân các thành viên của pháp nhân mà là chính pháp nhân – chủ thể chịu TNHS.

Tóm lại, về mặt lý luận có thể nói rằng KHPLHS hiện đại đã giải quyết cơ bản về vấn đề TNHS của pháp nhân. Ngày nay, việc thừa nhận TNHS của pháp nhân là xu hướng phát triển chung trong PLHS trên thế giới. TNHS của pháp nhân đã chính thức được khuyến nghị trong nhiều văn bản pháp luật

quốc tế³⁴ và nó đã được điều chỉnh về mặt lập pháp trong PLHS của nhiều nước không chỉ ở các nước theo truyền thống Common Law và châu Âu lục địa, mà còn được thừa nhận ở cả một số nước châu Á nữa, trong đó có Trung Quốc, một nước láng giềng của Việt Nam mà mới gần đây còn phản đối kịch liệt việc chấp nhận TNHS của pháp nhân.

2.2. Về thực tiễn

Trong gần 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, bộ mặt xã hội đã có sự thay đổi to lớn, nhất là lĩnh vực kinh tế. Với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, với những chính sách kinh tế thông thoáng, hội nhập quốc tế, thúc đẩy đầu tư của Nhà nước ta đã tạo điều kiện tốt cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, "trong những năm gần đây dưới tác động của nền kinh tế thị trường, không ít tổ chức kinh tế (pháp nhân) vì chạy theo lợi nhuận cục bộ đã có sự thông đồng từ người phụ trách đến nhân viên, thực hiện nhiều hành vi trái pháp luật mang tính chất tội phạm đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế như trốn lậu thuế, kinh doanh trái phép, đầu cơ, buôn lậu hoặc vì lợi ích cục bộ nhất thời mà không thực hiện các biện pháp mà pháp luật đòi hỏi để bảo vệ môi trường gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng"³⁵

Việc núp bóng dưới danh nghĩa pháp nhân để phạm tội ngày càng tăng, tính chất nguy hiểm ngày càng cao. Các hành vi phạm tội do pháp nhân thực hiện trong thời gian

³⁴ Nguyên tắc TNHS của pháp nhân là đối tượng khuyến cáo trong Điều 5 khoản 1 Công ước quốc tế về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố của Liên hợp quốc. Ở châu Âu, TNHS của pháp nhân là đối tượng của các khuyến cáo số 12 và 18 năm 1982 và 1988 của Ủy ban các Bộ trưởng Hội đồng châu Âu về tình trạng tội phạm về kinh tế, thương mại; Công ước về đấu tranh chống tham nhũng năm 1997 và Công ước về bảo vệ môi trường bằng PLHS đã được mở ra cho các nước thành viên tham gia ký từ ngày 4 tháng 11 năm 1998...

³⁵ Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại Tổ đại biểu Quốc hội về Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) ngày 22/5/1998. Kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá X.

qua không ít như buôn lậu, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng, cố ý làm trái các quy định quản lý kinh tế của Nhà nước, quảng cáo gian dối, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp và những hành vi phạm tội khác liên quan tới lĩnh vực tài chính- ngân hàng... Đa số những trường hợp trên là do cơ quan lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân với những thủ đoạn càng ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức cao và có nhiều trường hợp mang tính quốc tế. Ví dụ trong những năm qua nhiều vụ án kinh tế lớn xảy ra như vụ án Minh Phụng, EPCO lợi dụng danh nghĩa pháp nhân để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vụ án Công ty TNHH Đông Nam & Associates đã buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại...³⁶ vẫn còn để lại những hậu quả xấu cho nền kinh tế Việt Nam hoặc gần đây là hàng loạt các doanh nghiệp của cả Nhà nước lẫn tư nhân dùng những thủ đoạn gian dối để chiếm hàng nửa nghìn tỷ đồng tiền thuế giá trị gia tăng của Nhà nước.

Ngoài những tội phạm xâm phạm sở hữu tài sản và tội phạm kinh tế như nêu trên, nhiều pháp nhân kinh tế vì mục tiêu lợi nhuận thúc đẩy hoặc vì những lợi ích có tính chất cục bộ đã gây hại cho các lợi ích Nhà nước, của xã hội, của công dân như gây ô nhiễm công nghiệp, huỷ hoại môi trường, vi phạm quy định an toàn trong sản xuất, lao động gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng... Những hậu quả như thế là do những hành vi cấu tạo có hệ thống của pháp nhân, tổ chức không áp dụng những biện pháp hợp lý hoặc không có cơ chế kiểm soát tốt gây ra,

³⁶ Theo VnExpress ngày 13/3/2005 thì tập đoàn này trong khoảng thời gian từ năm 1999 đến 2002 đã buôn lậu gần 16,7 nghìn điện thoại di động, tổng giá trị hàng nhập lậu là hơn 48 tỷ đồng, số tiền trốn thuế là trên 96,4 tỷ đồng; vận chuyển trái phép 19,1 triệu USD qua biên giới.

chứ không phải chỉ đơn thuần là kết quả của các hành vi đơn lẻ của các cá nhân thành viên trong pháp nhân, tổ chức.

Xu thế toàn cầu hoá hiện nay trên thế giới và nhất là Việt Nam đang chủ động hội nhập quốc tế đã ảnh hưởng nhất định đến tình hình cơ cấu tội phạm ở nước ta. Tình hình tội phạm có tổ chức, có yếu tố nước ngoài (mang tính quốc tế) có sự tham gia của pháp nhân, tổ chức đã xuất hiện và có chiều hướng phát triển ở nước ta như tẩy rửa tiền, buôn bán ma tuý, buôn lậu, buôn bán trẻ em, phụ nữ... Đứng trước tình hình tội phạm do pháp nhân, tổ chức thực hiện ngày càng gia tăng và ngày càng nguy hiểm như vậy, dư luận xã hội đã có những phản ứng rất gay gắt đòi hỏi không chỉ truy cứu TNHS đối với các cá nhân phạm tội mà còn phải truy cứu TNHS cả pháp nhân, tổ chức phạm tội nữa. Nếu chỉ xử lý về hình sự đối với người đại diện, những người được uỷ quyền hoặc những nhân viên thừa hành thực hiện hành vi vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân là rõ ràng đã bỏ lọt tội phạm, trái với nguyên tắc công bằng trong LHS, không đảm bảo tính nghiêm minh, triệt để, truy cứu đến cùng trách nhiệm đối với hành vi phạm tội,³⁷ không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhà nước sẽ bất lực trong việc trấn áp và kiểm soát tình hình tội phạm, đồng thời cho thấy "vô hình chung pháp luật khuyến khích tổ chức, cơ quan đó tiếp tục chạy theo lợi ích bất chính gây nguy hiểm cho xã hội"³⁸.

Xuất phát từ những điều kiện về kinh tế-xã hội, pháp luật, văn hoá, lịch sử cụ thể trong giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước ta và trên cơ sở kết quả nghiên cứu về mặt lý luận, thực tiễn kinh nghiệm LPHS quy định TNHS của pháp nhân trong LHS nước ngoài và ở Việt Nam, chúng tôi cho rằng đã có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để

³⁷Tờ trình Quốc Hội về Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) của Chính phủ ngày 9/4/1998

³⁸Tờ trình Quốc Hội về Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) của Chính phủ ngày 9/4/1998

công nhận TNHS của pháp nhân. Đã đến lúc vấn đề TNHS của pháp nhân, tổ chức phải được giải quyết về mặt hình sự một cách trực tiếp trong BLHS nước ta. Có như vậy mới cho phép trừng trị tội phạm hiệu quả hơn, bổ sung lỗ hổng trong chính sách hình sự, và đồng thời nó sẽ công bằng hơn trong việc phân phối trách nhiệm giữa các pháp nhân, tổ chức và cá nhân người phạm tội đã hành động vì lợi ích của các thực thể này.

3. Mô hình lý luận về TNHS của pháp nhân trong LHS Việt Nam tương lai

3.1. Một số nội dung cần chú ý khi quy định TNHS của pháp nhân trong LHS

Khi thiết lập chế định TNHS của pháp nhân trong BLHS nhà lập pháp cần phải xác định rõ ràng phạm vi, điều kiện TNHS cũng như những loại hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội.

3.1.1. Về chủ thể chịu TNHS của pháp nhân

- Về nguyên tắc, để đảm bảo tính công bằng trong xử lý về hình sự đòi hỏi phải quy định TNHS đối với mọi loại hình tổ chức phạm tội, dù đó là tổ chức có tư cách pháp nhân hay không có tư cách pháp nhân, dù là tổ chức theo luật tư hay theo luật công³⁹. Tuy nhiên, theo chúng tôi quy định phạm vi chủ thể chịu TNHS như vậy là quá rộng và ít có tính khả thi trong việc truy cứu TNHS. Trước hết, chỉ nên quy định truy cứu TNHS đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị *có tư cách pháp nhân*. Việc đòi hỏi tư cách pháp nhân đối với các thực thể trên là cần thiết vì khi có tư cách pháp nhân thì các thực thể này mới có sự tồn tại của chính nó với việc hưởng thụ các quyền và gánh vác các nghĩa vụ pháp lý nhất định cũng như phải chịu TNHS đối với hành vi phạm tội của chính mình. Việc truy cứu

TNHS và việc áp dụng hình phạt mới có hiệu quả.

- Trong KHPL người ta phân pháp nhân thành: pháp nhân theo luật công và pháp nhân theo luật tư.

- Các pháp nhân theo luật công được thành lập để thực hiện các hoạt động phục vụ lợi ích chung của xã hội như Nhà nước, các cơ quan của chính phủ, các cơ quan chính quyền nhà nước ở địa phương, các cơ quan hành chính - sự nghiệp, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổng công ty, công ty, xí nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị-xã hội được thành lập phục vụ lợi ích cộng đồng... Đối với các loại pháp nhân này về nguyên tắc phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, đối với Nhà nước việc truy cứu TNHS là không thể đặt ra, vì Nhà nước bảo vệ lợi ích chung, có chủ quyền và độc quyền về LHS và vì vậy nó không thể tự mình trừng trị mình⁴⁰. Còn đối với các cơ quan hành chính công (cơ quan chính phủ, cơ quan chính quyền địa phương...) cũng không nên bắt phải chịu TNHS về những hành vi gây hại cho xã hội trong khi tiến hành các hoạt động là đối tượng của sự thoả thuận ủy quyền công vụ.

- Các pháp nhân theo luật tư được thành lập vì mục đích lợi nhuận như các loại hình doanh nghiệp tư nhân (công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty có vốn đầu tư nước ngoài...) hoặc không vì mục đích thu lợi nhuận như các hiệp hội, hội, đoàn thể hoặc các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các quỹ... Với tất cả các pháp nhân này, theo chúng tôi cần phải truy cứu TNHS đối với những hành vi phạm tội do chúng thực hiện.

3.1.2. Về các tội phạm cụ thể quy kết cho pháp nhân

Pháp nhân là một thực thể xã hội khác với cá nhân-tự nhiên nhân là bản thân nó không thể tự mình trực tiếp thực hiện được một số loại tội phạm cụ thể, ví dụ các tội

³⁹ Kết quả nghiên cứu TNHS của pháp nhân trong LHS nước ngoài cho thấy cách quy định này được thể hiện trong LHS của nhiều nước như Bỉ, Hà Lan và các nước theo truyền thống Common Law.

⁴⁰ Xem: HR25.1.1994, NJ 1994, 598.

xâm phạm chế độ hôn nhân, gia đình, các tội phạm về tình dục hoặc một số tội phạm về bạo lực...

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước như Hà Lan, Pháp hoặc Trung Quốc đã điều chỉnh vấn đề TNHS của pháp nhân trong LHS và căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam, chúng tôi cho rằng không chỉ quy định TNHS của pháp nhân đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cần phải quy định dạng TNHS này đối với pháp nhân phạm các loại tội phạm khác trong Phần các tội phạm BLHS, như: một số tội xâm phạm ANQG (chương XI BLHS); các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân (chương XIII BLHS); các tội xâm phạm tài sản (chương XIV BLHS); các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (chương XVI BLHS); các tội phạm về môi trường (chương XVII BLHS); các tội phạm về ma tuý (chương XVII BLHS); các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (chương XIX BLHS); các tội phạm về chức vụ (chương XX BLHS); các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (chương XIV BLHS).

Đối với những tội phạm cụ thể nào, nếu pháp nhân thực hiện sẽ bị truy cứu TNHS nhà làm luật cần quy định cụ thể trong điều luật về tội phạm, tức là cần có một hệ thống liệt kê cụ thể các tội phạm pháp nhân có thể thực hiện trong Phần các tội phạm BLHS, chứ không nên quy định TNHS của pháp nhân được áp dụng có tính chất chung cho mọi tội phạm, có nghĩa, về mặt kỹ thuật lập pháp không nên chấp nhận một hệ thống điều khoản chung (system de la clause générale) quy định về TNHS của pháp nhân như trong LHS của Bỉ, Hà Lan, Thụy Sĩ hoặc các nước theo truyền thống Common Law, bởi vì cách lựa chọn này, khi áp dụng pháp luật các Tòa án sẽ gặp những khó khăn nhất định nên buộc phải đưa ra những tiêu chuẩn cụ thể để xác định những tội phạm nào pháp nhân có thể thực hiện.

3.1.3 Về điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân

Trong lý luận PLHS nhìn chung đều thống nhất về bản chất các pháp nhân hoàn toàn có khả năng phạm tội thông qua các hoạt động và ý chí tập thể của các thành viên của họ. Đó là những người lãnh đạo, đại diện của pháp nhân, người vạch ra, người chỉ đạo hoặc người thực hiện các chính sách của pháp nhân, thì tội phạm được coi là do chính pháp nhân thực hiện.

Ngoài ra nghiên cứu PLHS nước ngoài cho thấy người ta cũng đồng ý quan điểm là ban lãnh đạo của pháp nhân cần phải đề ra và thực hiện các chính sách và biện pháp nhằm ngăn ngừa các thành viên của pháp nhân phạm tội trong khi đang làm công việc của họ. Nếu họ (ban lãnh đạo hoặc người lãnh đạo của pháp nhân) không đề ra, không kịp thời thay đổi hoặc không kịp thời thực hiện các chính sách hoặc biện pháp đó làm cho các thành viên của pháp nhân (nhân viên hoặc người lao động trong pháp nhân) vi phạm trong khi làm các công việc của pháp nhân thì bản thân pháp nhân bị quy kết TNHS về hành vi phạm tội do vô ý trong việc giám sát những người đó.

Như vậy, điều kiện về TNHS của pháp nhân là phải có cá nhân - thường đó là cơ quan, cá nhân người lãnh đạo của pháp nhân đã thực hiện tội phạm trong khuôn khổ hoạt động hoặc vì lợi ích của pháp nhân. Nhà làm luật Việt Nam khi quy định vấn đề này cần phải xác định rõ cơ quan lãnh đạo và người lãnh đạo của pháp nhân- những chủ thể mà hành vi của họ có thể dẫn tới TNHS đối với pháp nhân. Trong trường hợp này cần xác định TNHS là TNHS đồng thời, TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân về cùng một loại tội phạm, có nghĩa, về nguyên tắc nếu người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân đã thực hiện một tội phạm (dù là cố ý hoặc vô ý) vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân thì cả pháp nhân và người lãnh đạo, người

xâm phạm chế độ hôn nhân, gia đình, các tội phạm về tình dục hoặc một số tội phạm về bạo lực...

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước như Hà Lan, Pháp hoặc Trung Quốc đã điều chỉnh vấn đề TNHS của pháp nhân trong LHS và căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam, chúng tôi cho rằng không chỉ quy định TNHS của pháp nhân đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cần phải quy định dạng TNHS này đối với pháp nhân phạm các loại tội phạm khác trong Phần các tội phạm BLHS, như: một số tội xâm phạm ANQG (chương XI BLHS); các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân (chương XIII BLHS); các tội xâm phạm tài sản (chương XIV BLHS); các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (chương XVI BLHS); các tội phạm về môi trường (chương XVII BLHS); các tội phạm về ma tuý (chương XVII BLHS); các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (chương XIX BLHS); các tội phạm về chức vụ (chương XX BLHS); các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (chương XIV BLHS).

Đối với những tội phạm cụ thể nào, nếu pháp nhân thực hiện sẽ bị truy cứu TNHS nhà làm luật cần quy định cụ thể trong điều luật về tội phạm, tức là cần có một hệ thống liệt kê cụ thể các tội phạm pháp nhân có thể thực hiện trong Phần các tội phạm BLHS, chứ không nên quy định TNHS của pháp nhân được áp dụng có tính chất chung cho mọi tội phạm, có nghĩa, về mặt kỹ thuật lập pháp không nên chấp nhận một hệ thống điều khoản chung (system de la clause génégale) quy định về TNHS của pháp nhân như trong LHS của Bỉ, Hà Lan, Thụy Sĩ hoặc các nước theo truyền thống Common Law, bởi vì cách lựa chọn này, khi áp dụng pháp luật các Tòa án sẽ gặp những khó khăn nhất định nên buộc phải đưa ra những tiêu chuẩn cụ thể để xác định những tội phạm nào pháp nhân có thể thực hiện.

3.1.3 Về điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân

Trong lý luận PLHS nhìn chung đều thống nhất về bản chất các pháp nhân hoàn toàn có khả năng phạm tội thông qua các hoạt động và ý chí tập thể của các thành viên của họ. Đó là những người lãnh đạo, đại diện của pháp nhân, người vạch ra, người chỉ đạo hoặc người thực hiện các chính sách của pháp nhân, thì tội phạm được coi là do chính pháp nhân thực hiện.

Ngoài ra nghiên cứu PLHS nước ngoài cho thấy người ta cũng đồng ý quan điểm là ban lãnh đạo của pháp nhân cần phải đề ra và thực hiện các chính sách và biện pháp nhằm ngăn ngừa các thành viên của pháp nhân phạm tội trong khi đang làm công việc của họ. Nếu họ (ban lãnh đạo hoặc người lãnh đạo của pháp nhân) không đề ra, không kịp thời thay đổi hoặc không kịp thời thực hiện các chính sách hoặc biện pháp đó làm cho các thành viên của pháp nhân (nhân viên hoặc người lao động trong pháp nhân) vi phạm trong khi làm các công việc của pháp nhân thì bản thân pháp nhân bị quy kết TNHS về hành vi phạm tội do vô ý trong việc giám sát những người đó.

Như vậy, điều kiện về TNHS của pháp nhân là phải có cá nhân - thường đó là cơ quan, cá nhân người lãnh đạo của pháp nhân đã thực hiện tội phạm trong khuôn khổ hoạt động hoặc vì lợi ích của pháp nhân. Nhà làm luật Việt Nam khi quy định vấn đề này cần phải xác định rõ cơ quan lãnh đạo và người lãnh đạo của pháp nhân- những chủ thể mà hành vi của họ có thể dẫn tới TNHS đối với pháp nhân. Trong trường hợp này cần xác định TNHS là TNHS đồng thời, TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân về cùng một loại tội phạm, có nghĩa, về nguyên tắc nếu người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân đã thực hiện một tội phạm (dù là cố ý hoặc vô ý) vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân thì cả pháp nhân và người lãnh đạo, người

đại diện đó phải chịu TNHS về cùng tội phạm đó.

Trong thực tế có tội phạm được thực hiện trong pháp nhân trong khi pháp nhân tiến hành các hoạt động phù hợp với các mục đích của pháp nhân, nhưng do pháp nhân (các tập đoàn kinh tế, các công ty lớn...) có cơ cấu tổ chức phức tạp nên không xác định được cá nhân cụ thể nào thực hiện tội phạm. Theo kinh nghiệm LPHS của Thụy Sĩ hoặc của Australia thì trong trường hợp này vẫn có thể quy kết TNHS đối với pháp nhân, không cần thiết cứ phải xác định cá nhân phạm tội trước khi quy kết TNHS của pháp nhân nhất là khi tổ chức đó gây ra những vấn đề xã hội lớn. Vấn đề này nhà làm luật nước ta cũng cần lưu ý quy định để tránh lọt tội phạm.

3.1.4. Về hình phạt

Nghiên cứu LHS nước ngoài quy định về TNHS của pháp nhân cho thấy hình phạt quy định áp dụng với pháp nhân phạm tội ở mỗi nước cũng rất khác nhau, có nước chỉ quy định hình phạt tiền là hình phạt duy nhất áp dụng như các nước theo truyền thống Common Law và Trung Quốc, trong khi các nước khác lại quy định một hệ thống hình phạt có thể áp dụng đối với các thực thể này.

Theo chúng tôi trong BLHS nên quy định một hệ thống hình phạt riêng bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung áp dụng đối với pháp nhân phạm tội và trong đó chú trọng đến hình phạt tiền. Có như vậy mới tạo khả năng cho Tòa án có cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết của tội phạm và chủ thể thực hiện, quyết định loại và mức hình phạt phù hợp đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc cá thể hoá TNHS khi giải quyết từng vụ án cụ thể.

3.2. Mô hình lý luận về TNHS của pháp nhân trong LHS tương lai

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm LPHS quy định về TNHS của pháp nhân trong LHS các nước đã nghiên cứu nêu trên và thực tiễn lập pháp hình sự ở nước ta, theo

chúng tôi, mô hình lý luận về chế định TNHS của pháp nhân trong PLHS Việt Nam tương lai cần được tiến hành theo hướng bổ sung vào BLHS một chương mới với tên gọi "*Những quy định đối với pháp nhân phạm tội*" và Chương này cũng có thể đứng trước Chương "*Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội*", mà trong đó cần phải ghi nhận toàn bộ các vấn đề có liên quan đến TNHS *chỉ của pháp nhân* như phạm vi TNHS của pháp nhân, những điều kiện của TNHS của pháp nhân và hệ thống hình phạt đối với pháp nhân phạm tội. Cụ thể là:

"CHƯƠNG..."

NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN PHẠM TỘI

Điều... Áp dụng Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân phạm tội

Pháp nhân phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của Chương này.

Điều... Các điều kiện của trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1. Pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp Bộ luật này quy định về những hành vi phạm tội được cơ quan lãnh đạo hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện vì lợi ích, hoặc vì bảo vệ lợi ích của pháp nhân, hoặc trong khuôn khổ các hoạt động của pháp nhân. Trong trường hợp này trách nhiệm hình sự của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân về cùng một tội phạm.

2. Pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm được thực hiện trong pháp nhân trong khi pháp nhân tiến hành các hoạt động phù hợp với các mục đích của pháp nhân, nếu tội phạm đó không thể bị quy kết cho một cá nhân cụ thể nào, vì cấu trúc tổ chức phức tạp của pháp nhân.

3. Nhà nước và các cơ quan hành chính Nhà nước không phải chịu trách nhiệm hình

sự về những tội phạm được thực hiện trong khi tiến hành các hoạt động là đối tượng của sự thoả thuận ủy quyền công vụ.

Điều... Các hình phạt áp dụng với pháp nhân phạm tội

Các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

1. Hình phạt chính bao gồm:

a) Phạt tiền với mức thấp nhất là 10 triệu đồng;

b) Cấm tiến hành các hoạt động nghề nghiệp hoặc hoạt động xã hội trong thời hạn từ 01 đến 05 năm hoặc vĩnh viễn;

c) Đình chỉ hoạt động của một hoặc một số cơ sở của pháp nhân mà pháp nhân đã sử dụng để tiến hành các hoạt động phạm tội trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm hoặc vĩnh viễn;

d) Giải thể pháp nhân.

2. Hình phạt bổ sung bao gồm:

a) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;

b) Tịch thu tài sản;

c) Giám sát tư pháp đối với pháp nhân trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm;

d) Niêm yết bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc thông báo bản án, quyết định đó trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Hình phạt giải thể và giám sát tư pháp không được áp dụng đối với các pháp nhân là cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội phạm tội.

4. Đối với mỗi tội phạm, pháp nhân phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

Ngoài ra theo chúng tôi, Điều 2 của BLHS hiện hành cần sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 2: Cơ sở của Trách nhiệm hình sự

1. *Chỉ người nào hoặc pháp nhân nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.*

4. Kết luận

Xuất phát từ việc nghiên cứu vấn đề TNHS của pháp nhân trong PLHS nước ngoài và sự cần thiết thiết lập chế định này trong PLHS Việt Nam, chúng tôi cho rằng, việc xây dựng một mô hình lý luận phù hợp, có tính khả thi về chế định TNHS của pháp nhân trong PLHS Việt Nam tương lai là vấn đề mà các nhà KHPLHS Việt Nam cần phải tiếp tục suy ngẫm, tiếp tục nghiên cứu.

Chúng tôi cũng cần nói thêm rằng việc ghi nhận chế định TNHS của pháp nhân trong PLHS nước ta cũng đòi hỏi có nhiều thay đổi quan trọng khác trong hệ thống lý luận PLHS như cơ sở của TNHS, khái niệm tội phạm, vấn đề lỗi, các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, vấn đề hình phạt, quyết định hình phạt, các biện pháp tha miễn TNHS và hình phạt, xoá án tích, lý lịch tư pháp... Ngoài ra còn phải tính đến sự thay đổi rất lớn trong hai lĩnh vực pháp luật gắn bó mật thiết với LHS, đó là LTTHS và LTHAHS.

Khi đã chấp nhận chế định TNHS của pháp nhân, tức là chúng ta đã thừa nhận hệ thống các quan điểm của KHPL hiện đại và cũng đồng nghĩa với việc phá vỡ hệ thống lý luận truyền thống, cổ điển trong KHPLHS. Chúng ta không thể dựa trên những quan điểm cũ, quan điểm truyền thống để nhìn nhận những vấn đề mới phát sinh. Khoa học phải liên tục được đổi mới về mặt lý luận để phù hợp với thực tiễn.

Chúng tôi cũng biết rằng những sự thay đổi như vậy là phức tạp, khó khăn nhưng dù sao cũng phải làm vì công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền và thực tiễn sinh động của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta đòi hỏi.